

Số: 370.../2015/NQ/VC9-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9 - VINACONEX

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng số 9;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (có chi tiết đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015)

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam được trình bày tại Đại hội, với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

+ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính của Công ty mẹ

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	769,136	692,546	90%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	739,915	673,625	91%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	19,409	14,968	77%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,442	8,517	55%
5	Khấu hao tài sản cố định	%	29,539	25,179	85%
6	Đầu tư phát triển	Tỷ đồng	70,920	70,710	100%
7	Cổ tức	Tỷ đồng	10%	10%	100%

+ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính hợp nhất

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	830,310	710,549	86%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	784,739	719,760	92%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18,292	11,042	60%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,325	8,165	57%
5	Khấu hao tài sản cố định	%	30,275	25,875	85%
6	Đầu tư phát triển	Tỷ đồng	85,960	75,793	88%

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua: 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự.



Điều 2: Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 (có chi tiết đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015)

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 với các chỉ tiêu Công ty mẹ và hợp nhất cơ bản như sau:

+ Các chỉ tiêu chính của Công ty Mẹ:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	% Tăng trưởng so với TH 2014
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	692,546	676,423	-2,3%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	673,625	725,462	7,7%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,968	14,463	-3,4%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,517	12,259	44%
5	Cổ tức	%	10%	10%	0%
6	Trích khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	25,179	22,869	-9%
7	Đầu tư phát triển	Tỷ đồng	70,710	70,270	0%

+ Các chỉ tiêu chính hợp nhất (Bao gồm Công ty Vinaconex 9.1):

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	% Tăng trưởng so với TH 2014
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	710,549	712,847	0,3%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	719,760	764,269	6,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,042	14,687	33%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,165	12,483	53%
5	Cổ tức	%	10%	10%	0%
6	Trích khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	25,875	23.570	-9%
7	Đầu tư phát triển	Tỷ đồng	75,793	79.244	5%

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý thông qua: 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2010-2015 và định hướng chiến lược phát triển của công ty nhiệm kỳ 2015-2020 (có chi tiết đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015).

Định hướng chiến lược phát triển của Công ty nhiệm kỳ 2015-2020 được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá thực tiễn, đảm bảo tính liên tục, hợp lý và khả thi:

3.1 Định hướng phát triển: Xây dựng Công ty thực sự trở thành đơn vị nòng cốt của Tổng công ty Vinaconex trong lĩnh vực thi công xây lắp, là đơn vị đi đầu trong đầu tư, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong thi công. Quản trị minh bạch, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đủ việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, tối đa hóa lợi ích của các cổ đông. Xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cao, tận tụy, trách nhiệm và tâm huyết gắn bó với sự phát triển của Công ty.

3.2 Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

- **Xây lắp:** Chiếm tỷ trọng trên 70% doanh thu hàng năm, tập trung vào các công trình thi công bằng công nghệ truyền thống, các công trình cao tầng có yêu cầu

kỹ mỹ thuật cao theo công nghệ thi công mới và các công trình công nghiệp, các công trình cầu đường giao thông.

- **Đầu tư:** Chiếm tỷ trọng 20 - 25% doanh thu hàng năm, ưu tiên đầu tư vào các dự án bất động sản, nhà cao tầng có thể tận dụng tối đa năng lực thi công của Công ty như các dự án chung cư, văn phòng làm việc, ... và không đầu tư ngoài ngành.
- **Kinh doanh khác:** Chiếm tỷ trọng 3 - 5% doanh thu hàng năm bao gồm: sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh cho thuê văn phòng, gia công cơ khí, cho thuê máy móc thiết bị, ...

3.3 Mục tiêu chiến lược: Đến năm 2020 doanh thu đạt tối thiểu 1.250 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt trên 30 tỷ đồng, Cổ tức hàng năm đạt tối thiểu 10%, Vốn điều lệ 180 tỷ đồng.

- **Xây lắp:** Đủ năng lực thi công công trình có chiều cao tương đương từ 50 tầng nổi và 03 tầng hầm; các công trình có tiêu chuẩn hoàn thiện tương đương khách sạn 5 sao; Các dự án hạ tầng giao thông, quy mô trên 300 tỷ đồng và các công trình công nghiệp quy mô trên 500 tỷ đồng.
- **Đầu tư:** Đồng thời quản lý, triển khai thực hiện cùng lúc bốn (4) đến năm (5) dự án có quy mô tối đa 500 tỷ đồng nhằm đảm bảo an toàn nguồn vốn và hiệu quả, tạo đà để doanh nghiệp từng bước phát triển và phát triển bền vững.
- **Kinh doanh khác:**
 - + Khai thác cho thuê văn phòng với tỷ lệ lấp đầy duy trì trên 90%.
 - + Sản xuất bê tông thương phẩm đảm bảo cung cấp đủ cho thi công các dự án Công ty là nhà thầu chính.
 - + Gia công cơ khí: Đủ năng lực gia công các kết cấu khung giàn không gian tại các công trình công nghiệp và dân dụng có quy mô trung bình.
 - + Tận dụng tối đa cơ hội kinh doanh các lĩnh vực khác có liên quan đến hoạt động chính của Công ty.

3.4 Cơ sở đảm bảo hoàn thành chiến lược:

- Nguồn nhân lực có chất lượng cao.
- Hoạt động quản trị, hoạt động tài chính minh bạch.
- Có lợi thế cạnh tranh về các công nghệ thiết bị công ty đã đầu tư.
- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Các sản phẩm của doanh nghiệp thỏa mãn yêu cầu của khách hàng.

3.5 Kế hoạch kinh doanh từng năm:

Năm 2015: Doanh thu: 764 tỷ đồng; Lợi nhuận: 12 tỷ đồng; cổ tức 10%.

Năm 2016: Doanh thu: 840 tỷ đồng; Lợi nhuận: 16 tỷ đồng; cổ tức 10%.

Năm 2017: Doanh thu: 924 tỷ đồng; Lợi nhuận: 18 tỷ đồng; cổ tức 12%.

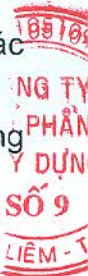
Năm 2018: Vốn điều lệ 180 tỷ đồng

Doanh thu: 1.050 tỷ đồng; Lợi nhuận: 21 tỷ đồng; cổ tức 12%.

Năm 2019: Doanh thu: 1.155 tỷ đồng; Lợi nhuận: 24 tỷ đồng; cổ tức 14%.

Năm 2020: Doanh thu: 1.270 tỷ đồng; Lợi nhuận: 30 tỷ đồng; cổ tức 15%.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua: 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự.



Điều 4: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2014, định hướng hoạt động năm 2015 và báo cáo hoạt động nhiệm kỳ 2010-2015 của Ban kiểm soát (có chi tiết đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015)

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý thông qua: 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự.

Điều 5: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2015

Đại hội đồng cổ đông thường niên thống nhất thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trong danh sách dưới đây thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính Công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty cổ phần xây dựng số 9 -Vinaconex:

1. Công ty TNHH KPMG Việt Nam
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý thông qua: 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự.

Điều 6: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014

ĐHĐCĐ thông qua phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2014 như sau:

1. Tổng doanh thu thực hiện (Công ty mẹ):	673.625.535.830	đồng
2. Lợi nhuận sau thuế (Công ty mẹ):	8.517.228.758	đồng
- LNST được phép phân phối theo BCTC Hợp nhất:	12.546.180.594	đồng
*Trong đó: + LNST thực hiện của năm 2014	8.165.237.477	đồng
+ LNST còn lại chưa phân phối các năm trước	4.380.943.117	đồng
- Chi tiết phân phối lợi nhuận như sau:		
+ Trả cổ tức 2014 bằng tiền mặt: 11.695.200 CP (tỷ lệ 10%):	11.695.200.000	đồng
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	425.490.297	đồng
+ Trích quỹ dự phòng tài chính (nay là quỹ đầu tư phát triển):	425.490.297	đồng
Tổng cộng lợi nhuận đã phân phối năm 2014	12.546.180.594	đồng
- Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối:	0	đồng

Ủy quyền cho HĐQT chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức và thời điểm chi trả cổ tức năm 2014 theo đúng quy định pháp luật

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý thông qua: 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự.

Điều 7: Thông qua kết quả chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2014 và phương án năm 2015.

- Đại hội thống nhất kết quả chi trả năm 2014 và mức chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký công ty năm 2015 như sau:

▪ **Mức chi trả thù lao cho HĐQT, BKS công ty năm 2014: 156.000.000 đồng, cụ thể**

TT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao/tháng	Thời gian (tháng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Ủy viên HĐQT	4	2.000.000	12	96.000.000	
2	Trưởng BKS	1	2.000.000	12	24.000.000	
3	Ủy viên BKS	2	1.500.000	12	36.000.000	
	Cộng				156.000.000	

- Các khoản lương, thưởng từ quỹ lương của thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thù lao năm 2014	Tiền lương năm 2014	Tiền thưởng từ quỹ lương 2014	Tổng cộng
1	Phạm Văn Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0	357.272.272	91.400.000	448.672.272
2	Phạm Thái Dương	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc	24.000.000	297.727.237	76.400.000	398.127.237
3	Nguyễn Hải Lâm	Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng TCLĐ	24.000.000	202.454.545	52.400.000	278.854.545

- Phương án chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty năm 2015 là: 492.000.000 đồng, chi tiết cụ thể:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao/tháng	Thời gian (tháng)	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	12	120.000.000
2	Ủy viên HĐQT	4	5.000.000	12	240.000.000
3	Trưởng BKS	1	5.000.000	12	60.000.000
4	Ủy viên BKS	2	3.000.000	12	72.000.000
	Cộng				492.000.000

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý thông qua: 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự.

Điều 8: Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2015-2020.

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2015-2020 gồm các ông:

Hội đồng quản trị:

- Ông Phạm Văn Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2010-2015
- Ông Dương Văn Mậu - Phó TGD TCT Vinaconex, ủy viên HĐQT Công ty NK 2010-2015
- Ông Đỗ Công Hiến - Giám đốc Ban XD TCT Vinaconex, ủy viên HĐQT Công ty NK 2010-2015
- Ông Phạm Thái Dương - Ủy viên HĐQT công ty NK 2010-2015, Tổng giám đốc Công ty.
- Ông Nguyễn Hải Lâm - Ủy viên HĐQT công ty NK 2010-2015, Trưởng phòng TCLĐ Công ty

Ban kiểm soát:

- Ông Đặng Thanh Huân - Trưởng BKS TCT Vinaconex, Trưởng BKS Cty NK 2010-2015
- Ông Chu Quang Minh - Chuyên viên Ban QLGS và ĐTTC Tổng công ty Vinaconex
- Ông Phạm Ngọc Hùng - Ủy viên BKS NK 2010-2015, Phó trưởng phòng Đầu tư Công ty

Tỉ lệ biểu quyết đồng ý thông qua: 100% cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự.

Điều 9: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 08/4/2015.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng số 9, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện các công việc được giao bởi Đại hội đồng cổ đông trong Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của Cổ đông, của Công ty và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- Các cổ đông công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành;
- Lưu: VT, HĐQT.



T.M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Văn Hải